TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tăng Văn Đ, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của ông Tăng Văn Đ tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Hôn nhân: Ông Tăng Văn Đ và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2014 tại UBND xã K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông Tăng Văn Đ yêu cầu ly hôn với vợ là bà Nguyễn Thị B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Tăng Văn Đ xác định ông và bà Nguyễn Thị B không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Ông Tăng Văn Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, ông Tăng Văn Đ xin vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt ông Đ, bà B theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Ông Tăng Văn Đ và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2014 tại UBND xã K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông Tăng Văn Đ yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Nguyễn Thị B. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà B đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, ông Đ xác định không còn tình cảm với bà B, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà B vắng mặt, cho thấy bà B không có thiện chí đoàn tụ với ông Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Tăng Văn Đ và bà Nguyễn Thị B được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Ông Tăng Văn Đ và bà Nguyễn Thị B xác định ông bà không có con chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét là phù hợp.

2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tăng Văn Đ xác định ông và bà Nguyễn Thị B không có tài sản chung, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ nên không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Ông Tăng Văn Đ phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn Đ về việc ly hôn đối với bà Nguyễn Thị B.

Về hôn nhân: Ông Tăng Văn Đ và bà Nguyễn Thị B được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tăng Văn Đ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 07 tháng 11 năm 2025, ông Đ có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004159 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Lâm;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh